

Số: 13 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường không số ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Văn bản số 2112/2023/CV/STP ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú về việc hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 08/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú, địa chỉ: Lô B4, B6, B8 Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất sợi (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất sợi (không bao gồm công đoạn nhuộm).
- Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp số 0316018243 ngày 14 tháng 11 năm 2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 16 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án số 4000100004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 07 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0316018243.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất sợi (không bao gồm công đoạn nhuộm).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở được cấp phép:

- Phạm vi: Dự án có diện tích 31.100 m² theo Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐTD/CP.ĐPB-2020 ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú và Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (đơn vị quản lý hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Cường).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất sợi, công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 22 tháng 01 năm 2024 đến ngày 22 tháng 01 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Định Quán;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do: Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đạt cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT được tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích dội nhà vệ sinh và làm mát, không xả thải ra môi trường. Sau khi Cụm công nghiệp Phú Cường (CCN Phú Cường) được cấp Giấy phép môi trường và đủ điều kiện đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung vào vận hành chính thức, Công ty thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Phú Cường theo hợp đồng thỏa thuận với CCN Phú Cường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại + nước thải từ nhà ăn (sau khi qua bể tách dầu mỡ) + nước từ quá trình vệ sinh nhà xưởng được thu gom bằng cống BTCT có đường kính D200 mm về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày của Công ty để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty sau khi qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 1$, $K_r = 1$ được tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích dội nhà vệ sinh và làm mát, không xả thải ra môi trường.

- Sau khi CCN Phú Cường được cấp Giấy phép môi trường và đủ điều kiện đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung vào vận hành chính thức, Công ty thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Phú Cường theo hợp đồng thỏa thuận với CCN Phú Cường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại + nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ + nước từ quá trình vệ sinh nhà xưởng → bể điều hòa → bể sinh

học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể sinh học MBR → bể chứa nước sau xử lý → hệ thống tái sử dụng cho mục đích dội nhà vệ sinh, làm mát, không xả nước thải ra môi trường.

- Quy trình tái sử dụng nước thải sau xử lý: Bể chứa nước thải sau xử lý → đường ống tái sử dụng nước thải → dội nhà vệ sinh, làm mát.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (15 kg/năm); CH₃OH, NaHCO₃ (80 kg/năm)

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành; có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị hằng tuần, ghi lại các thiết bị cần sửa chữa hay dự phòng thay mới; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ bị mài mòn, thường xuyên hư hỏng do trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố nhỏ, phát hiện các máy khuấy, máy bơm, máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải bị hỏng, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể của hệ thống xử lý nước thải và tiến hành khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế bằng các thiết bị, máy móc dự phòng (khả năng lưu chứa nước thải khoảng 12 giờ).

- Trường hợp sự cố nghiêm trọng, các thiết bị của trạm xử lý nước thải của Dự án không thể khắc phục, sửa chữa trong thời gian dài. Công ty thực hiện các biện pháp như sau: dừng sản xuất, nhanh chóng liên hệ với đơn vị có chức năng, chuyên môn kịp thời sửa chữa các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Các chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 1, K_f = 1 trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích dội nhà vệ sinh và làm mát.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 1$, $K_f = 1$ trước khi tái sử dụng hoàn toàn (đội nhà vệ sinh, làm mát), không xả thải ra môi trường. Sau khi CCN Phú Cường được cấp Giấy phép môi trường và đủ điều kiện đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung vào vận hành chính thức, Công ty thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Phú Cường theo cam kết; tuyệt đối không xả nước thải chưa qua xử lý hoặc không đạt quy chuẩn ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, tái sử dụng; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.4. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 133/GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định (do không phát sinh khí thải tại nguồn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Đảm bảo toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án phải được thu gom, kiểm soát và xử lý theo đúng quy định pháp luật; không được phép xả khí thải chưa qua xử lý đạt quy chuẩn quy định hoặc chưa được cấp phép ra môi trường.

2. Đảm bảo hệ thống nhà điều không Nhà AC (guồng quay lọc bụi, bộ hút bụi, lọc bụi túi, cấp khí lại) vận hành ổn định và theo đúng quy trình kỹ thuật; không khí nóng sau khi được thu gom qua hệ thống này, làm mát và được cấp lại cho nhà xưởng sản xuất đảm bảo đạt yêu cầu về môi trường lao động theo QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

4. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường; thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

5. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới hoạt động của dự án và khu dân cư xung quanh.

6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

7. Khi xảy ra sự cố môi trường, phải cho ngừng vận hành ngay lập tức các cụm thiết bị trên dây chuyền sản xuất tương ứng. Phối hợp với Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình và các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố, chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 133 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực cung bông, chải thô.
- Nguồn số 02: Khu vực ghép, chải sợi, kéo sợi thô.
- Nguồn số 03: Khu vực kéo sợi con.
- Nguồn số 04: Khu vực đánh ống.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực cung bông, chải thô; tọa độ: X = 1225762.799, Y = 436206.919.
- Nguồn số 02: Khu vực ghép, chải sợi, kéo sợi thô; tọa độ: X = 1225837.962, Y = 436238.2746.
- Nguồn số 03: Khu vực kéo sợi con; tọa độ: X = 11225883.916, Y = 436262.393.
- Nguồn số 04: Khu vực đánh ống; tọa độ: X = 1225922.310, Y = 436281.222.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm từ phòng y tế	Rắn/Lỏng	13 01 01	20	NH
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	13 03 02	5	NH
3	Dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	600	NH
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	24	KS
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	36	KS
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	20	KS
7	Giẻ lau, bao tay, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	25	KS
8	Các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thải (bao gồm cả bóng đèn điện tử)	Rắn	19 02 05	360	NH
9	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	420	NH
Tổng cộng				1.510	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì mềm (bao nylon)	Rắn	18 01 01	1.000	TT - R
2	Bao bì nhựa cứng	Rắn	18 01 04	100	TT - R
3	Bao bì giấy carton	Rắn	18 01 05	220	TT - R
4	Hộp mực in văn phòng thải	Rắn	-	10	TT - R
5	Sợi vụn, bụi sợi, phế phẩm	Rắn	-	50.580	TT - R
6	Bông phế	Rắn	-	8.700	TT - R

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
7	Bùn thải từ bể tự hoại	Rắn	-	1.507	TT
8	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	12 06 12	55.850	TT
Tổng cộng				117.967	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	19.660	19,66
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	13.100	13,1
Tổng cộng		32.760	32,76

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 8,5 m² tại kho chứa chất thải chung của Công ty có tổng diện tích 28 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có khay chứa và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải công nghiệp không nguy hại: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích khoảng 11,5 m² tại kho chứa chất thải có diện tích 28 m²; mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích loại 110

lít đặt trong khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, khu vực nhà ăn. Hàng ngày nhân viên thu gom vào các thùng chứa rác với dung tích 440 lít đặt trong khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt khoảng 08 m² tại kho chứa chất thải có diện tích 28 m², sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom tần suất 02 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn nhân viên, công nhân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 13 /GPMT-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

4. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, Ủy ban nhân dân huyện Định Quán, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan, Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐỒNG NAI

8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.

9. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.